TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------** Bản án số: **46**/2017/HNGĐ-ST Ngày: 25/9/2017 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -------o0o-------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Diệp***

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Đức Minh***

*Bà **Đặng Thị Nhác***

*- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Hoàng Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

*Bà **Nguyễn Thị Ánh Hằng** - Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **382**/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **105**/2017/QĐXX-ST ngày 15/8/2017 và quyết định hoãn phiên toà ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Đức H** - sinh năm 1965

Trú tại: Số X phố N - tổ B - phường N - quận Long Biên - TP Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Mai Thị N** - sinh năm 1967

Trú tại: Số B phố N- tổ Y - phường Ngọc Lâm - quận Long Biên - TP Hà Nội.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án ông Trần Đức H là Nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Ông và bà **Mai Thị N** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/3/1991 tại UBND xã Bồ Đề - huyện Gia Lâm - TP Hà Nội.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra xô xát, cãi cọ. Nguyên nhân chủ

yếu là do bà N ham chơi, thường xuyên bỏ nhà đi chơi dài ngày, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà N còn tự ý bán, cầm cố tài sản của gia đình để lấy tiền ăn chơi tiêu xài dẫn đến kinh tế gia đình lâm vào túng thiếu, khó khăn. Bà N do vay mượn tiền của nhiều người không có khả năng chi trả dẫn tới việc các chủ nợ bức xúc, ném chất bẩn chất thải vào nhà của gia đình ông, làm mất uy tín, danh dự của ông và gia đình. Cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, khuyên bảo nhưng bà N không tiếp thu, tiếp tục bỏ nhà đi chơi qua đêm. Năm 2013, ông đã làm đơn ly hôn bà N gửi Tòa án nhân dân quận Long Biên nhưng sau khi đã được Tòa án phân tích, động viên, hòa giải đã rút đơn ly hôn. Nhưng từ sau khi ông rút đơn về tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng xấu hơn. Ông, bà đã ly thân từ năm 2014, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông kiên quyết yêu cầu ly hôn bà N để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là **Trần Đức D** - sinh năm 1991 (Nam) và **Trần Yến Q** - sinh năm 1997 (Nữ). Các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Ông H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn trong vụ án là bà Mai Thị N , trong quá trình toà án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn đã nhiều lần được Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để công khai chứng cứ, hoà giải về việc ông H xin ly hôn nhưng bà N vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ lời khai nào trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.**

Tại phiên tũa ông H xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ các lời khai và yêu cầu của mình, không có ý kiến gì bổ sung và không có đề nghị đưa thêm người vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, chống đối không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

*Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H , bà N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đầy đủ theo pháp luật. Nay ông H thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn bà N . Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H .
- Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là **Trần Đức D** - sinh năm 1991 (Nam) và **Trần Yến Q**- sinh năm 1997 (Nữ). Các con chung của ông H , bà N đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.
- Về án phí: Nguyên đơn là ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Đức H xin ly hôn bà Mai Thị N cùng có hộ khẩu thường trú và hiện đang ăn ở, sinh sống tại số nhà 201 phố Nguyễn Văn Cừ - tổ 17 - phường Ngọc Lâm - quận Long Biên - TP Hà Nội. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì hiện nay bà N vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên, không có nơi cư trú nào khác. Do vậy việc ông H khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên - TP Hà Nội.

- Bị đơn trong vụ án bà Mai Thị N trong suốt quá trình giải quyết vụ án - Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, được toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 07/9/2017, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 25/9/2017. Tại phiên toà ngày 25/9/2017, bà N tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai bà N vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được toà án tống đạt hợp lệ, đồng thời ông H là Nguyên đơn cũng có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H , bà N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Đức H** và bà **Mai Thị N** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/3/1991 tại

UBND xã Bồ Đề - huyện Gia Lâm - TP Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra xô xát, cãi cọ. Nguyên nhân chủ yếu là do bà N ham chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, khuyên bảo nhưng bà N không tiếp thu. Năm 2013, ông H đã làm đơn ly hôn bà N gửi Tòa án nhân dân quận Long Biên nhưng sau đó đã rút đơn. Từ sau khi ông H rút đơn về tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Ông, bà đã ly thân từ năm 2014, không ai quan tâm đến ai. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, kiên quyết yêu cầu ly hôn bà N . Xét thấy việc ông H cho rằng tình cảm không còn, ông bà sống ly thân đã trải qua một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua tìm hiểu và trao đổi với gia đình ông H thì gia đình cũng đã phân tích động viên hoà giải nhưng ông H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bà N không xuất trình được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc đưa ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà có thái độ chống đối, không hợp tác cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình. Toà án đã nhiều lần tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do và cố tình vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hoà giải khi Toà án triệu tập. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông H , bà N là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà N đã được Toà án tạo điều kiện để tham gia các phiên hoà giải nhưng đều vắng mặt cho thấy bà không có mong muốn và nguyện vọng đoàn tụ với nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa ông H và bà N không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là **Trần Đức D** - sinh năm 1991 (Nam) và **Trần Yến Q** - sinh năm 1997 (Nữ). Các con chung của ông H , bà N đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử bà N là bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Trần Đức H** đối với **bà Mai Thị N** . Ông **Trần Đức H** được ly hôn bà **Mai Thị N** .

2. Về con chung: Xác nhận ông H và bà N có 02 con chung là **Trần Đức D** - sinh năm 1991 (Nam) và **Trần Yến Q** - sinh năm 1997 (Nữ). Các con chung của ông H , bà N đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, cụng nợ: Không xem xột.

4. Về án phí: Ông Trần Đức H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số **5597** ngày 06/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Ông Trần Đức H , bà Mai Thị N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND Q. Long Biên;*
- *Chi cục THADS Q. Long Biên;*
- *UBND P. Ngọc Lâm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Thị Diệp